

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày 02-5-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tới;

Ông Vũ Đức Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Y, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn N (nay là thôn Đ), xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990, nơi cư trú: Thôn N (nay là thôn Đ), xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt lần thứ 2, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Tạ Thị Y trình bày: Chị và anh T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã Q). Trong thời gian chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2021 đến nay, không quan tâm nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T. Anh chị có 02 con

chung là Nguyễn Thế A, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2016 và Nguyễn Kiều Linh Đ, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay các con đều sống cùng chị Y, được chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Khi ly hôn, chị Y yêu cầu Tòa án giao cho chị nuôi cả hai con; việc cấp dưỡng cho con, chị xin tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Chị hiện đang làm công nhân, thu nhập trung bình khoảng 8 đến 10 triệu đồng một tháng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho bị đơn nhưng anh Thắng không giao nộp văn bản trình bày quan điểm của mình cho Tòa án. Tại biên bản ghi lại lời trình bày của anh T qua điện thoại, anh T xác nhận đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, xác nhận mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn chị Y. Khi ly hôn, anh T nhận nuôi con Linh Đ, đồng ý để chị Y nuôi con Thế A, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung. Anh T hiện đang làm lao động tự do, thu nhập ổn định, có khả năng đảm bảo việc nuôi con.

Tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện: Anh T và chị Y tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2016. Trong thời gian chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy, ham chơi, không chăm lo cho gia đình; vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng năm 2021. Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thế A, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2016 và Nguyễn Kiều Linh Đ, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2019. Trước đây con Thế A sống cùng chị Y, con Linh Đ sống cùng anh T và mẹ đẻ anh T nhưng do có lần mẹ con anh T để cháu Đ bị đi lạc nên từ khoảng năm 2023 chị Y đã đón cả cháu Đ về sống cùng mình. Tại đơn trình bày nguyện vọng của mình, cháu Thế A có nguyện vọng xin được sống với mẹ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm giữa chị Y và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y, xử cho chị Y được ly hôn anh T; giao cả hai con chung Nguyễn Thế A, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2016 và Nguyễn Kiều Linh Đ, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2019 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản

chung do đương sự không yêu cầu. Chị Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; chị Y, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Tạ Thị Y khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn T, cư trú tại thôn Thôn N (nay là thôn Đ), xã Q, huyện T nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Y và anh T.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã Q), huyện T ngày 21 tháng 4 năm 2016 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Lời khai của các đương sự phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Chị Y và anh T xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng và đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm nhau từ năm 2021 đến nay. Do đó, có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị Y và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị Y là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị Y được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thế A, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2016 và Nguyễn Kiều Linh Đ, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2019. Tại văn bản ghi lại lời trình bày qua điện thoại của anh T, anh T nhận nuôi con Linh Đ nhưng không giao nộp văn bản trình bày quan điểm của mình, không đến làm việc tại Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con của mình. Tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện anh T từng nghiện ma túy, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh T và gia đình không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Từ năm 2023 đến nay, các con sống ổn định cùng chị Y; chị Y có công việc và thu nhập ổn định; con Thế A có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cả hai con Nguyễn Thế A, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2016 và Nguyễn Kiều Linh Đ, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2019 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị Y và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Y và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Y và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Tạ Thị Y, xử cho chị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Tạ Thị Y trực tiếp nuôi cả hai con chung là Nguyễn Thế A, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2016 và Nguyễn Kiều Linh Đ, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2019. Không giải quyết việc cấp dưỡng cho con do chị Y và anh T không yêu cầu. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 02 tháng 5 năm 2024 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Y và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chị Yén đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0006381 ngày 16 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Như vậy, chị Y đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Y và anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của

Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Q (ĐKKH năm 2016);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Xuyên